

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(Về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2022 so với 6 tháng đầu năm 2021)

Kính gửi:

Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

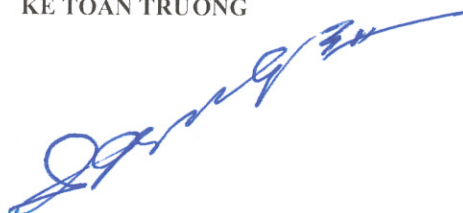
Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (gọi tắt là "Công ty") làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2022 (kỳ báo cáo) so với 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	39.284.027.953	29.514.571.882	9.769.456.071	33,10%	Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 tăng 33,10% so với cùng kỳ năm trước do:
	Trong đó:						
	Doanh thu nước		28.751.859.914	28.298.933.324	452.926.590	1,60%	(i) Doanh thu nước 6 tháng đầu năm 2022 tăng 1,60% do: Tăng giá nước năm 2022 dẫn đến doanh thu nước tăng so với cùng kỳ.
	Doanh thu từ phí BVMT giữ lại đối với nước thải sinh hoạt		265.397.912	257.251.304	8.146.608	3,17%	(ii) Đơn vị ghi nhận vào doanh thu phí bảo vệ môi trường được giữ lại theo nội dung tại nghị định 53/2020/NĐ-CP thay vì ghi nhận vào thu nhập khác như trước đây.
	Doanh thu lắp đặt		586.896.087	885.054.254	-298.158.167	-33,69%	(iii) Doanh thu lắp đặt giảm 33,69% so với kỳ so sánh;
	Doanh thu bán vật tư nước		9.679.874.040	73.333.000	9.606.541.040	13099,9%	(iv) Doanh thu bán vật tư tăng 13.099,9% so với kỳ so sánh.
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	39.284.027.953	29.514.571.882	9.769.456.071	33,10%	
3.	Giá vốn hàng bán	11	33.384.584.199	23.941.507.733	9.443.076.466	39,44%	Giá vốn tăng 39,44% so với kỳ so sánh do: Giá vốn bán vật tư tăng so với cùng kỳ.
4.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	5.899.443.754	5.573.064.149	326.379.605	5,9%	
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.458.868	43.408.430	-41.949.562	-96,64%	Giảm so 96,64% so với cùng kỳ năm trước do giảm thu nhập từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá.

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
6.	Chi phí tài chính	22	505.717.293	71.153.319	434.563.974	610,74%	Tăng chi phí tài chính do: Trả lãi vay và nợ gốc vay; Chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ.
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	266.412.058	71.153.319	195.258.739	274,42%	
7.	Chi phí bán hàng	24	0	-	-		
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.863.360.977	4.893.261.294	-29.900.317	-0,61%	Giảm 0,61% so với kỳ so sánh.
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	531.824.352	652.057.966	-120.233.614	-18,44%	
10.	Thu nhập khác	31	5	0	5		
11.	Chi phí khác	32	150.120.000	0	150.120.000		
12.	Lợi nhuận khác	40	-150.119.995	0	-150.119.995		
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	381.704.357	652.057.966	-270.353.609	-41,46%	Lợi nhuận giảm do ảnh hưởng của các nguyên nhân trên
14.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	76.340.871	130.411.593	-54.070.722	-41,46%	
15.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	305.363.486	521.646.373	-216.282.887	-41,46%	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hùng

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Lệ Quế